

Số: 134/QĐ-SNN

Lai Châu, ngày 31 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chè PH8, PH9
trên địa bàn tỉnh Lai Châu

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT LAI CHÂU

Căn cứ Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quy trình kỹ thuật cây chè PH8, PH9 của Viện Khoa học Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc;

Căn cứ điều kiện đất đai, khí hậu, thời tiết trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chè PH8, PH9 giám canh trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

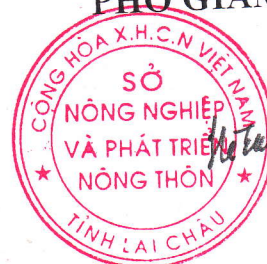
Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 448/QĐ-SNN, ngày 16/10/2012 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc Ban hành Quy trình kỹ thuật (tạm thời) cây chè PH8, PH9 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Các Ông (bà) thủ trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở; Phòng nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố; Các đơn vị và các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TT&BVTV

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Quang Huy

QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY CHÈ PH8, PH9 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 134 /QĐ-SNN, ngày 31 tháng 3 năm 2017
của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu)

I. YÊU CẦU VỀ ĐIỀU KIỆN SINH THÁI

1. Khí hậu

- Lượng mưa: Chè có nguồn gốc Á nhiệt đới nên đòi hỏi lượng mưa hàng năm lớn 1.500 - 2.000 mm.

- Ẩm độ không khí: Là một yếu tố quan trọng quyết định năng suất của cây chè, độ ẩm không khí phù hợp thì tốc độ ra búp mạnh, mật độ búp cao và trọng lượng búp lớn. Độ ẩm không khí từ 75 - 80 % và độ ẩm đất 80 - 85% là phù hợp cho cây chè sinh trưởng và phát triển tốt.

- Nhiệt độ không khí: Ảnh hưởng lớn đến tốc độ ra búp, mật độ búp, trọng lượng búp và thời gian cho búp thu hoạch. Chè sinh trưởng tốt ở nhiệt độ 15 - 20°C. Trong quá trình sinh trưởng cây chè yêu cầu tổng lượng tích ôn trong năm là 3.500 - 4.000°C.

- Ánh sáng: Cây chè có nguồn gốc dưới tán rừng Á nhiệt đới nên sinh trưởng thích hợp ánh sáng tán xạ. Do vậy trong cả quá trình sống của cây chè cần có cây che bóng để sinh trưởng tốt.

2. Điều kiện đất đai

- Tầng đất dày trên 70 cm là thích hợp nhất.

- Thành phần cơ giới: Thích hợp từ thịt nhẹ đến thịt nặng.

- Độ sâu mực nước ngầm trên 1m.

- Chọn những lô đất có độ dốc bình quân không quá 25°.

- Độ pH_{KCl} thích hợp 4 - 6. Hàm lượng mùn tổng số phải lớn hơn 2,0%.

II. THIẾT KẾ ĐÒI NƯƠNG

1. Thiết kế đồi nương

- Khu chè: Diện tích khu chè thường lớn hơn 20 ha.

- Đồi chè: Thiết kế từng đồi phải nằm trong quy hoạch tổng thể nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất.

Thiết kế đồng bộ ngay từ đầu hệ thống đường, các công trình phụ trợ, cây trồng xen. Những nơi thuận lợi cần làm đập, hồ chứa nước, bể chứa nước, giếng khoan nước ngầm, hệ thống tưới nước, hố ủ phân, hố thu gom rác phế thải.



- Lô chè: Những nơi có độ dốc cao, thiết kế lô chè theo hình thang, ranh giới là các đường đi, có đường ra vào lô, lô có chiều ngang 25 - 30 hàng chè, dài 50 - 100 m tương đương 3.000 - 5.000 m².

Những nơi đất bằng hoặc dốc thoải thiết kế lô theo ô vuông, mỗi lô từ 1 - 2 ha.

- Hàng chè: Bố trí hàng chè tùy thuộc vào độ dốc:

Dưới 6⁰: Bố trí hàng chè thẳng theo hàng dài nhất, song song với đường bình độ chính, tùy theo thể đồi mà bố trí hàng cụt cho hợp lý.

Trên 6⁰ bố trí hàng chè theo đường đồng mức, hàng cụt xếp xen kẽ.

- Trồng cây họ đậu (đậu tương, đậu xanh, lạc,...) ở giữa các hàng chè; làm tăng thêm thu nhập, hạn chế cỏ dại và có tác dụng cải tạo đất rất tốt.

2. Thiết kế đường

Loại đường	Vị trí	Bề rộng mặt đường (m)	Độ dốc mặt đường (độ)	Độ nghiêng vào trong đồi (độ)	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6
1. Trục đường chính	Xuyên giữa hai khu chè	5 - 6	5	-	Hai mép trồng cây, có hệ thống rãnh thoát nước hai bên
2. Đường liên đồi	Nối đường trục với các đồi hoặc các đồi với nhau	4 - 5	6	6	Mép ngoài trồng cây
3. Đường lên đồi	Nối đường liên đồi với đỉnh và đường vành đồi	3 - 4	8 - 10	5	Có rãnh thoát nước phía trong. Có vòng quay xe ở ngã ba. Mép ngoài trồng cây thưa
4. Đường vành đồi	Đường vành chân đồi và cách 30-50m theo sườn đồi có một đường	3 - 4	1 - 2	6 - 7	Mép ngoài trồng cây thưa
5. Đường lô	Cắt ngang (đồi phẳng) hay cắt chéo hàng chè (đồi dốc) cách nhau 150-200m.	3 - 4	10 - 12	-	Sửa theo mặt đất tự nhiên, không có rãnh thoát nước
6. Đường chăm sóc	Trong lô chè, cách nhau 57-70 m, cắt ngang hay chéo hàng chè.	1,2 - 1,3	10 - 12	-	Sửa theo mặt đất tự nhiên, không có rãnh thoát nước

3. Thiết kế hạng mục phụ trợ

- Có đai rừng chắn vuông góc với hướng gió chính. Cứ cách 200 - 500m có 1 đai rộng 5 - 10m, có kết cấu thoáng. Nơi thuận lợi thì bố trí thêm đai rừng vành chân và đỉnh đồi.

- Cứ 5 - 10 ha có một lán trú mưa, nắng; 3 - 4 ha có một bể chìm chứa nước 2m³ phun thuốc trừ sâu cho chè; 2 ha có một bể để thu gom vỏ chai, bao bì thuốc BVTV; 2 - 3 ha có hố ủ phân hữu cơ tại chỗ, dung tích chứa 8 - 10 m³/đợt ủ.

III. KỸ THUẬT TRỒNG CHÈ

1. Làm đất

- Việc làm đất trồng chè phải đạt yêu cầu sâu, sạch, ải, vùi lớp đất mặt có nhiều hạt cỏ xuống dưới, san ủi những điểm dốc cục bộ.

- Những vùng bằng phẳng có quy mô diện tích lớn áp dụng kỹ thuật bừa san và cày sâu toàn bộ bề mặt với độ sâu 20 - 35 cm. Trường hợp không cày toàn bộ bề mặt cũng phải đào rãnh trồng. Đào rãnh hàng trồng chè sâu 35 - 40 cm, miệng rộng 50 - 60 cm, đáy rộng 30 - 40 cm. Lấp đất mặt xuống dưới, lấp đất cái trên cách mặt đất 5 - 10 cm.

- Thời vụ làm đất: Làm đất vào thời gian ít mưa (dưới 150 mm/tháng) tránh xói mòn, làm từ tháng 12 năm trước đến tháng 1 năm sau, trồng một vụ cây họ đậu (đậu tương, lạc), cây phân xanh để cải tạo đất trước khi trồng.

2. Tiêu chuẩn giống chè

Cây sạch sâu bệnh và đảm bảo các chỉ tiêu sau:

- Thời gian trong vườn ươm: trên 8 tháng tuổi.

- Chiều cao cây lớn hơn 20 cm

- Số lá thật: trên 6 lá

- Đường kính gốc: lớn hơn 2,5 mm

- Thân hoá nâu: chiếm từ 1/3 trở lên

3. Thời vụ trồng chè

- Thời vụ giâm cành: Từ tháng 9 - 11 hàng năm.

- Thời vụ trồng (vào mùa mưa): Từ đầu tháng 5 đến hết tháng 7.

4. Kỹ thuật trồng

- Đất trồng chè phải được cày vùi cây phân xanh trước khi trồng ít nhất 1 tháng.

USE

- Mật độ, khoảng cách trồng: Tùy địa hình cụ thể mà bố trí mật độ trồng thích hợp, mật độ trồng giao động từ 18.000 - 20.000 cây/ha (hàng cách hàng từ 1,4 - 1,6 m; cây cách cây 0,35 m).

- Cách trồng: Đặt bầu vào hố hay rạch, bỏ túi bầu, lấp đất, nén đất đều xung quanh bầu, lấp phủ lớp đất tơi trên vết cắt hom 1,5 - 2,5 cm, đặt mầm cây theo một hướng xuôi chiều gió chính. Trồng xong tủ cỏ, rác hai bên hàng chè hay hốc trồng, dày 20 cm bằng chất liệu xác thực vật không có khả năng tái sinh. Tủ khi có điều kiện và rào xung quanh khu vực trồng để bảo vệ gia súc phá hại.

5. Trồng cây phân xanh, che bóng và cải tạo đất

- Thời vụ gieo: Từ tháng 1 - 4 hàng năm, ngay sau khi làm đất, trồng chè.

- Cách gieo: Cây hàng năm (lạc, đậu,...) gieo giữa hàng, mật độ tùy theo loại cây, cách gốc chè 30 - 40 cm về mỗi bên. Chăm sóc các loại cây này như trồng thuần, khi thu hoạch để phân thân và chất xanh vùi, tủ cho chè.

Cây phân xanh lưu niên 2 - 4 năm (các loại muồng, cốt khí) kiêm che bóng tạm được gieo theo cụm thành một đường giữa hai hàng chè, khoảng cách tâm cụm đến hàng chè 30 - 40 cm, mỗi cụm đường kính 3 - 5 cm. Lượng trồng 7 - 10 kg hạt/ha. Cần tiến hành bón bổ sung 100 kg supe lân + 30 kg urê/ha. Thu hoạch khi cây cao trên 1m thu phần ngọn 40 - 45 cm và tủ cho rạch chè.

Cây che bóng không có cùng đối tượng sâu bệnh như cây chè, tán thưa, rộng được trồng cùng hàng hay giữa hai hàng chè, mật độ từ 150 - 250 cây/ha, trồng bằng cây ươm bầu, đảm bảo che bóng 20 - 40% ánh sáng mặt trời. Cần cắt tỉa vào tháng 4 và tháng 9 để vùi, tủ cho chè.

IV. KỸ THUẬT CHĂM SÓC

1. Giặm cây con

Nương chè phải được giặm cây con ngay từ năm đầu sau trồng vào những chỗ mất khoảng. Bầu cây con đem giặm có cùng tuổi cây trồng trên nương, đã được dự phòng 10 - 15%.

Bón thêm mỗi cây 1,0 kg phân chuồng trước trồng giặm.

Trồng giặm cây vào ngày râm mát, mưa nhỏ hoặc sau mưa to.

Giặm chè cần được tiến hành liên tục trong thời kỳ nương chè kiến thiết cơ bản (2 - 3 năm), đảm bảo nương chè đông đặc, đồng đều. Trồng giặm tốt nhất vào đầu và trong mùa mưa, đất vừa ẩm (tháng 5 - 7).

Đối với nương chè tuổi lớn mất khoảng tiến hành trồng giặm cây con 14 - 16 tháng tuổi, chiều cao 35 - 40 cm sau khi bấm ngọn. Kích thước bầu lớn 25 x 12

cm, bầu đất được đóng với tỷ lệ 3 phần đất + 1 phần phân hữu cơ hoai mục được ủ với phân lân.

2. Tưới nước

Tùy theo điều kiện và mức độ khô hạn, lượng nước tưới dao động 100 - 150m³/ha cho mỗi lần tưới. Thời gian cứ 10 - 20 ngày tưới một lần khi trời không mưa, ẩm độ đất xuống còn 70 - 75% ẩm độ tối đa đồng ruộng.

3. Bón phân (tính cho 1 ha chè)

3.1. Bón lót trước khi trồng:

Bón lót trước khi trồng 25 - 30 tấn phân hữu cơ (hoặc bón 4,5 - 5 tấn phân vi sinh) và 600 - 800 kg supe lân, trộn phân đều vào đất dưới rãnh, hàng trước khi trồng 1 tháng.

3.2. Bón phân cho mỗi ha chè kiến thiết cơ bản:

- Lượng bón:

Loại chè	Loại phân	Lượng phân bón (kg/ha)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)
Tuổi 1 (Năm thứ 2 sau trồng)	Đạm Urê	100-130	2	7 ; 9
	NPK (5:10:3)	400-450	2	2 ; 5
	Kali Clorua	40-50	1	5
Tuổi 2 (Năm thứ 3 sau trồng)	Đạm Urê	150-180	2	7 ; 9
	NPK (5:10:3)	450-550	2	2 ; 5
	Kali Clorua	60-80	1	5
Đồn tạo hình lần 1 (Tuổi 2)	Hữu cơ	10-15 tấn phân hữu cơ	1	11-12
		Hoặc 1,5- 2 tấn phân vi sinh	2	Lần 1: 3 - 4 Lần 2: 7 - 8
Tuổi 3 (Năm thứ 4 sau trồng)	Đạm Urê	190-200	2	7 ; 9
	NPK (5:10:3)	600-700	2	2 ; 5
	Kali Clorua	80-120	1	5
	Hữu cơ	10-15 tấn phân hữu cơ	1	11-12
		Hoặc 1,5- 2 tấn phân vi sinh	2	Lần 1: 3 - 4 Lần 2: 7 - 8

- Phương pháp bón: Cày rãnh sâu 10 - 20 cm, cách gốc 20 - 30 cm, bón và lấp đất kín. Không nên bón rải làm trôi phân. Với chè con thì cuốc váng móng ngựa cách gốc 30 cm để bón phân.

3.3. Bón phân cho chè SXKD:

- Lượng bón:

Loại chè	Loại phân	Lượng phân bón (kg/ha)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)
Năng suất búp dưới 60 tạ/ha	Đạm Urê	250-270	2	
	NPK (5:10:3)	470-500	2	2 ; 7
	Kali Clorua	50-60	1	5
Năng suất búp từ 60-80 tạ/ha	Đạm Urê	300-400	2	5 ; 9
	NPK (5:10:3)	500-800	2	2 ; 7
	Kali Clorua	60-90	1	5
Năng suất búp từ 80-120 tạ/ha	Đạm Urê	450-700	2	5 ; 9
	NPK (5:10:3)	800-1.300	2	2 ; 7
	Kali Clorua	100-150	1	5
Năng suất búp trên 120 tạ/ha	Đạm Urê	750-850	2	5 ; 9
	NPK (5:10:3)	1.400-1.500	2	2 ; 7
	Kali Clorua	160-180	1	5

- Phương pháp bón: Cày rạch hàng sâu 30 cm bón phân và lấp đất, các loại phân được trộn đều và bón ngay. Đối với phân hữu cơ nên bón một lần cùng với phân vô cơ vào đầu mùa mưa.

Bón phân chuồng đã ủ hoại mục, lượng bón 20 tấn/ha, 2 năm bón 1 lần. Nên bón vào đầu hoặc cuối mùa mưa.

Bổ sung các loại phân trung lượng, vi lượng như Mg, Zn, Ca, Cu, Fe, B, Mo,... Nên bón cùng với phân hữu cơ sẽ cho hiệu quả cao hơn.

4. Phòng trừ cỏ dại

- Lần 1: Trước khi chè nảy mầm mùa xuân, xới xáo nhẹ.

- Lần 2: Xới cỏ mùa hè.

- Lần 3: Tháng 6 - 7 và tháng 8 - 9 nhiệt độ cao cỏ dễ chết, xới xáo cắt đứt mao mạch, giữ ẩm cho đất chè.

- Lần 4: Mùa thu tháng 9 - 10 hoặc tháng 11 - 12 tiến hành xới sâu cải thiện lý hoá tính đất, xúc tiến hoạt động của bộ rễ chè.

leg

- Kết hợp với phá váng 6 lần/năm ngoài 4 lần làm cỏ trên.

5. Sâu bệnh hại

Phòng trừ sâu bệnh hại chè bằng biện pháp tổng hợp đảm bảo hợp lý về kinh tế và bền vững dựa trên sự phối hợp biện pháp trồng trọt, sinh học, di truyền chọn giống và hoá học, nhằm đạt sản lượng cao nhất với tác hại ít nhất trong môi trường. Kiểm tra thường xuyên, phát hiện sớm để tập trung phòng trừ. Các biện pháp phòng trừ cụ thể:

- Biện pháp canh tác: Cày bừa diệt cỏ, vệ sinh nương đồi, lấp đất diệt nhộng, diệt mầm bệnh, bón phân hợp lý, thay đổi thời kỳ đốn, hái để loại bỏ trứng sâu, mầm bệnh.

- Biện pháp sinh học, sinh thái: Trồng cây bóng mát với loại thích hợp và có mật độ đảm bảo độ ẩm trên nương chè. Hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng thuốc hoá học để đảm bảo duy trì tập đoàn thiên địch có ích, cân bằng sinh thái trên nương chè.

- Biện pháp hoá học:

+ Không phun thuốc hoá học theo định kỳ, phun thuốc theo điều tra dự tính, dự báo khi có sâu non hoặc khi chè mới bị bệnh.

+ Dùng thuốc đúng chỉ dẫn về loại, liều lượng dùng đối với các đối tượng sâu, bệnh hại, bảo đảm thời gian cách ly trước khi thu hái búp chè.

6. Kỹ thuật đốn chè

6.1. Đốn tạo hình:

Lần 1: Khi chè có 80% số cây có đường kính gốc 0,8 - 1,0 cm thì tiến hành đốn, đốn thân chính cách mặt đất 20 - 25 cm, đốn cành bên cách mặt đất 30 - 35 cm.

Lần 2: Đốn phẳng cách mặt đất 35 - 40 cm

6.2. Đốn phớt:

Hai năm đầu, mỗi năm đốn trên vết đốn cũ 5 cm. Sau đó mỗi năm đốn cao thêm 3 cm, khi vết đốn dưới cùng cao 65 cm so với mặt đất thì hàng năm chỉ đốn cao thêm 1 cm so vết đốn cũ.

Tuyệt đối không cắt tỉa cành lá, đảm bảo độ che phủ, khép tán trên nương.

Đối với nương chè sinh trưởng yếu, tán lá thưa mỏng, có thể áp dụng chu kỳ đốn cách năm: 1 năm đốn phớt như trên, 1 năm đốn sửa bằng tán chỉ cắt phần cành xanh.

6.3. Đốn lũng: Những đồi chè đã được đốn phớt nhiều năm, vết đốn cao quá 90cm so với mặt đất, nhiều cành tăm hương, u bướu, búp nhỏ, năng suất giảm thì đốn lũng cách mặt đất 50 - 55 cm;

288

6.4. Đốn đầu: Những đôi chè được đốn lửng nhiều năm, cành nhiều mấu, cây sinh trưởng kém, năng suất giảm rõ rệt thì đốn đầu cách mặt đất 35 - 40 cm.

6.5. Đốn trẻ lại: Những nương chè già, cần cỗi đã được đốn đầu nhiều lần, năng suất giảm nghiêm trọng thì đốn trẻ lại cách mặt đất 10 - 25 cm.

6.6. Thời vụ đốn: Từ tháng cuối tháng 11 đến hết tháng 12.

- Nơi thường bị sương muối đốn muộn hơn, đốn sau đợt sương muối nặng.

- Đốn đầu trước, đốn phớt sau.

- Đốn tạo hình, chè con trước, đốn chè trưởng thành sau.

6.7. Cách đốn và dụng cụ đốn:

Có thể dùng máy đốn chè để đốn chè hay dùng dao đốn chè

- Đốn tạo tán có mặt nghiêng theo sườn dốc, không làm dập cành, sây sát vỏ.

- Đốn đầu, đốn lửng, đốn tạo hình lần đầu thì dùng dao. Đốn phớt, đốn tạo hình lần 2 thì dùng kéo hoặc dao. Đốn trẻ lại, sửa cành lớn chè giống thì dùng cưa.

- Đối với các giống chè có phân cành nhiều, mật độ cành lớn, sinh trưởng đỉnh đều thì có thể áp dụng máy đốn để nâng cao năng suất lao động.

7. Thu hoạch và bảo quản

Chỉ thu hoạch khi đảm bảo thời gian cách ly thuốc BVTV và các hóa chất dùng trong xử lý cho chè theo hướng dẫn.

7.1. Hái tạo hình chè kiến thiết cơ bản:

- Đối với chè 1 tuổi: Hái bấm ngọn những cây cao 55 cm trở lên từ tháng 10.

- Đối với chè 2 tuổi: Hái búp trên những cây to khỏe và cách mặt đất 45 cm trở lên.

7.2. Hái tạo hình sau khi đốn:

- Đối với chè đốn 1 lần: Đợt đầu hái cách mặt đất 40 - 45 cm, tạo thành mặt phẳng nghiêng theo sườn dốc. Đợt 2 hái đợt chừa 2 lá và lá cá.

- Đối với chè hái lần 2: Đợt đầu hái cao hơn chè đốn lần 1 từ 15 - 20 cm, các đợt sau hái chừa bình thường như ở chè đốn lần 1

7.3. Hái chè kinh doanh:

- Hái 1 tôm 2, 3 lá non tùy theo mục đích chế biến là chè xanh chất lượng cao hay chè đen mà hái búp cho phù hợp, chừa lại cách vết đốn 10 - 15 cm tùy theo giống chè. Tạo mặt tán bằng, các lần hái sau hái chừa theo quy trình hiện hành. Thời gian hái của một lứa phụ thuộc vào tiêu chuẩn nguyên liệu theo yêu

câu của công nghệ chế biến và theo từng loại chè, phụ thuộc vào kỹ thuật hái bằng máy hay hái bằng tay.

Thời gian trung bình giữa hai lứa hái tay 10 - 12 ngày; thời gian trung bình giữa hai lứa hái máy là 35 - 42 ngày tùy theo sinh trưởng của từng giống.

7.4. Hái trên nương chè đốn trẻ lại, đốn đau:

Tiến hành hái như đối với chè kiến thiết cơ bản.

7.5. Bảo quản: Chè búp tươi thu xong phải để nơi râm mát, bỏ trong sọt không nén chặt, không đựng trong bao kín, không để héo, lẫn lẫn với vật lạ, tạp chất, đưa đến nơi chế biến không quá 6 tiếng. /.

